

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST

Ngày 20-5-2021

V/v tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Huyền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Anh Đức

Bà Đặng Thị Thu Hiền.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 268/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15-4-2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08a/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04-5-2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị NTN; địa chỉ: Số 5 Ngõ 2, đường A, tổ B, phường C, quận D, thành phố Hải Phòng; có mặt;

**- Bị đơn:** Anh PVL; địa chỉ: Số 5 Ngõ 2, đường A, tổ B, phường C, quận D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 26-9-2020 và được bổ sung bằng lời khai tại Bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị NTN trình bày:

Chị NTN và anh PVL xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, quận D, thành phố Hải Phòng từ ngày 12-9-2003. Trong thời gian chung sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau, đã rất nhiều lần xảy ra cãi vã, cuộc sống chung giữa vợ chồng rất mệt mỏi. Do không thể tiếp tục chung

sống nên chị NTN và anh PVL đã ly thân từ khoảng tháng 7-2017 cho đến nay. Anh PVL chuyển ra khỏi nhà, thuê nhà tại địa chỉ: Số 14B C 1, phường C, quận D, thành phố Hải Phòng để sinh sống. Đến cuối tháng 10-2020, anh PVL nói về quê tại Quảng Bình làm việc. Anh PVL chỉ thỉnh thoảng gọi điện thoại cho chị NTN để hỏi tình hình của các con, nhưng không đóng góp gì để nuôi con. Chị NTN có báo lại việc Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị và anh PVL, nhưng anh PVL không về để giải quyết và không trả lời đang ở đâu, làm gì. Vì vậy, chị NTN đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng giải quyết được ly hôn với anh PVL.

Về con chung: Có 02 con chung là E, sinh ngày 08-02-2004 và F, sinh ngày 18-4-2011. Hai con chung đều sống cùng chị NTN, do chị NTN chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay, chị NTN không biết anh PVL đang ở đâu, làm gì. Vì vậy, chị NTN đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị NTN không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, Thẩm phán đã ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Bô Trạch, tỉnh Quảng Bình để xác minh về nơi cư trú của anh PVL, kết quả như sau: Anh PVL hiện không sinh sống tại Quảng Bình, đi đâu, làm gì gia đình không rõ, anh PVL chỉ gọi điện thoại báo là đang ở Thành phố Hồ Chí Minh, nên đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành niêm yết theo quy định của pháp luật các văn bản tố tụng gửi cho anh PVL và đã thực hiện thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng việc Tòa án đã thụ lý, giải quyết vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn giữa nguyên đơn là chị NTN và bị đơn là anh PVL. Thông báo này đã được đăng tin trên Báo Nhân dân trong ba số báo liên tiếp, phát thanh trên Đài Tiếng nói Việt Nam ba lần trong 03 ngày liên tiếp và được đăng trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng. Đến nay đã hết thời hạn 30 ngày, kể từ ngày đăng, phát thông báo lần đầu tiên, vẫn không có tin tức xác thực việc anh PVL đang ở đâu, làm gì. Anh PVL cũng không đến Tòa án để trình bày ý kiến hoặc gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Căn cứ Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện Kiểm sát kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Việc xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát, cấp tổng đạt văn bản tố tụng và thực hiện thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nêu trên, việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn

phiên toà và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên toà đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định tại các điều 28, 35, 39, 48, 49, 97, 105, 180, 203, 220, 227, 228 và 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các quy định tại các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Xét thấy, nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn. Bị đơn là anh PVL có địa chỉ tại Số 5 Ngõ 2, đường A, tổ B, phường C, quận D, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1, khoản 3 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn, anh PVL được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Xét thấy, chị NTN và anh PVL xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C nên hôn nhân này là hợp pháp. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả ủy thác của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, lời trình bày của nguyên đơn, ý kiến của gia đình, thấy rằng: Quá trình chung sống, giữa chị NTN và anh PVL đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau. Hai bên đã cố gắng hàn gắn mâu thuẫn, nhưng vẫn không khắc phục được, nên đã sống ly thân với nhau từ khoảng tháng 7-2017 đến nay. Như vậy, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chị NTN đề nghị ly hôn với anh PVL. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị NTN ly hôn với anh PVL là phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị NTN và anh PVL có 02 con chung là E, sinh ngày 08-02-2004 và F, sinh ngày 18-4-2011. Tại phiên tòa, nguyên đơn đề nghị được

trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, không xác định được bị đơn đang ở đâu, làm gì; bị đơn không trình bày ý kiến và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hiện nay, 02 con chung đang ăn ở, học tập, sinh hoạt cùng mẹ là chị NTN. Thấy rằng, việc giao 02 con chung cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con chung và đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con chung. Bởi vậy, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao 02 con chung là E và F cho chị NTN trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị NTN không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh PVL không có ý kiến gì về vấn đề này. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, bị đơn không có ý kiến gì về vấn đề này. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị NTN và anh PVL được ly hôn.

2. Về con chung: Giao hai con chung là E, sinh ngày 08-02-2004 và F, sinh ngày 18-4-2011 cho chị NTN trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Do hai bên không có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị NTN phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu tiền số 0009876, ngày 01-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng. Chị NTN đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***

- TANDTP. Hải Phòng;
- VKSNDTP. Hải Phòng;
- VKSND. quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS. quận Hồng Bàng;
- UBND phường C,  
D, Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thu Huyền**